

# Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam nhìn từ góc độ môi trường

TS. Đinh Đức Trường, TS. Lê Hà Thanh

Đại học Kinh tế Quốc dân

*Trong những năm qua, Việt Nam đã có nhiều đổi mới về chính sách phát triển kinh tế. Những thành tựu cơ bản đạt được bao gồm mức tăng trưởng GDP bình quân hàng năm trên 7%, tăng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, nâng cao chất lượng đời sống cho nhân dân. Tuy nhiên, cùng với nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao và quá trình công nghiệp hoá đang diễn ra sâu rộng, Việt Nam đang phải đối mặt với các vấn đề môi trường nghiêm trọng. Để đảm bảo phát triển bền vững, Việt Nam cần đánh giá đúng chất lượng tăng trưởng cũng như tầm quan trọng của các vấn đề môi trường. Các chính sách về môi trường và kinh tế nếu được áp dụng kịp thời sẽ giảm nhẹ các tác động môi trường của tăng trưởng kinh tế, ngược lại hậu quả sẽ khôn lường.*

*Bài viết này gồm 2 mục tiêu chính. Thứ nhất là đánh giá chất lượng tăng trưởng của Việt Nam từ góc độ môi trường (Phần 2). Thứ hai là nhận diện một số chi phí môi trường của các hoạt động phát triển (Phần 3). Phần 1 là giới thiệu chung và phần 4 là các kết luận.*

**Từ khóa:** Chỉ số hiệu quả hoạt động môi trường, Chi phí môi trường, Phát triển bền vững,

## 1. Mở đầu

Đối với sự phát triển nhanh chóng trong 10 năm trở lại đây của Việt Nam, một trong những ý kiến khá đồng nhất là Việt Nam sẽ duy trì được tốc độ tăng trưởng nhanh trong nhiều năm tới. Điều này không những thể hiện nguyện vọng và ý chí của mỗi người dân Việt Nam mà còn phản ánh tính đúng đắn của chính sách đổi mới nền kinh tế được khởi xướng vào cuối những năm 80 của thế kỷ XX. Như vậy, nhìn một cách tổng thể, tương lai của nền kinh tế Việt Nam là tốt đẹp. Với một nhịp độ tăng trưởng nhanh thì tất cả mọi khó khăn của nền kinh tế sẽ được giải quyết trong đó có vấn đề môi trường. Tăng trưởng là tiền đề, là then chốt của sự phát triển, nhưng điều này không đồng nghĩa là bất cứ mô hình tăng trưởng nào cũng có chất lượng và cũng quan tâm đến bảo vệ môi trường một cách thiết thực.

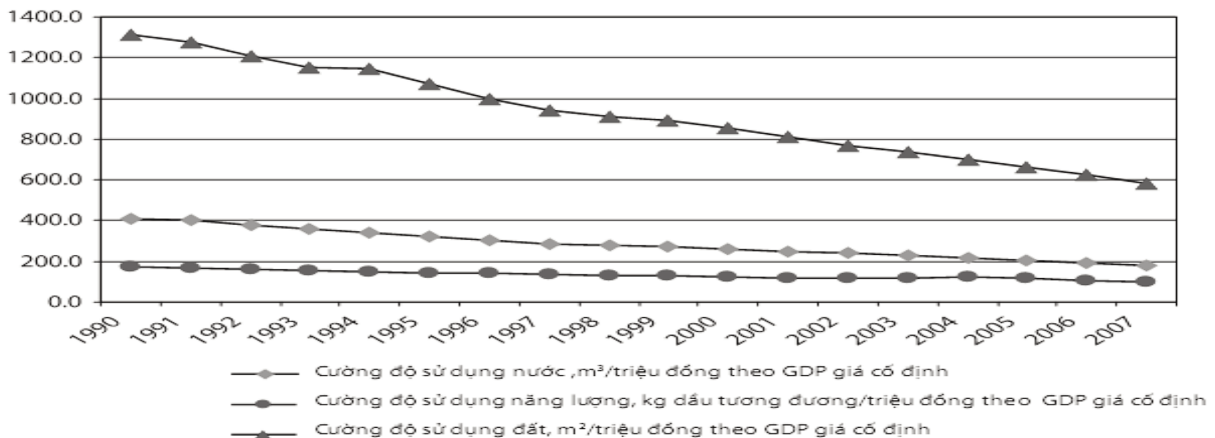
Theo báo cáo của Hội nghị phát triển bền vững toàn quốc lần thứ III tổ chức ngày 6/01/2011, sau 6 năm triển khai thực hiện định hướng phát triển bền vững, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường. Nhiều hoạt động hỗ trợ xây dựng và thực hiện định hướng

phát triển bền vững ngành và địa phương, nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực quản lý về phát triển bền vững đã được triển khai thực hiện. Tuy nhiên, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế còn thấp, tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng, thiếu chiều sâu, chuyên dịch cơ cấu kinh tế không đồng đều. Bên cạnh đó, các vấn đề môi trường như ô nhiễm, suy giảm đa dạng sinh học, suy kiệt tài nguyên đang gia tăng,... Tất cả những tồn tại này đã và đang đe dọa đến sự phát triển bền vững của quốc gia. Vấn đề quan trọng đặt ra cho Việt Nam là chất lượng tăng trưởng hiện nay đã thật sự bền vững hay chưa và Việt Nam có thể hướng tới một môi trường tốt đẹp hơn trong những năm tiếp theo hay không.

## 2. Chất lượng tăng trưởng của Việt Nam dưới góc độ môi trường

Việt Nam đã đạt được các thành tựu phát triển kinh tế to lớn trong thập kỷ vừa qua, là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong khu vực và trên thế giới ngay cả trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm giai đoạn 2001-2010 đạt 7,25%. Tốc độ tăng trưởng nhìn chung ổn định, trong đó tăng trưởng cao vào những năm 2004-

**Hình 1: Cường độ sử dụng tài nguyên tại Việt Nam giai đoạn 1997 -2007**



Nguồn: Ngân hàng thế giới (2010)

2007 và tăng trưởng thấp ở những năm 2001 và 2008– 2010. Tính bình quân trong cả giai đoạn 1991-2010, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt gần 7,4%/năm. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong hơn 20 năm qua thuộc loại cao so với các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới, chỉ thấp hơn tốc độ tăng trưởng bình quân năm của Trung Quốc trong thời gian tương ứng. Hơn thế, thời gian tăng trưởng kinh tế liên tục của Việt Nam đã đạt 25 năm. Việt Nam có thể bổ sung vào danh sách 13 quốc gia quốc gia thành công trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng cao và bền vững thời kỳ hậu chiến tranh. GDP năm 2010 tính theo giá thực tế đạt 101,6 tỉ USD, gấp 3,26 lần so với năm 2000; GDP bình quân đầu người đạt 1.168 USD. Năm 2010 Việt Nam được Ngân hàng Thế giới (WB) công nhận là nước có thu nhập trung bình (MIC)<sup>1</sup>. Tỷ lệ nghèo của Việt Nam đã giảm mạnh, từ gần 60% năm 1993 xuống còn khoảng 14% trong năm 2008.

Cùng với sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, cường độ sử dụng một số tài nguyên thiên nhiên cơ bản như đất, nước và năng lượng để sản xuất ra một đơn vị đầu ra kinh tế ở Việt Nam có xu hướng giảm trong thời kỳ 1990-2007. Nói cách khác, Việt Nam có xu hướng sử dụng ít tài nguyên hơn để tạo ra 1 USD GDP (Hình 1). Xu hướng này được quyết định một phần bởi sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ.

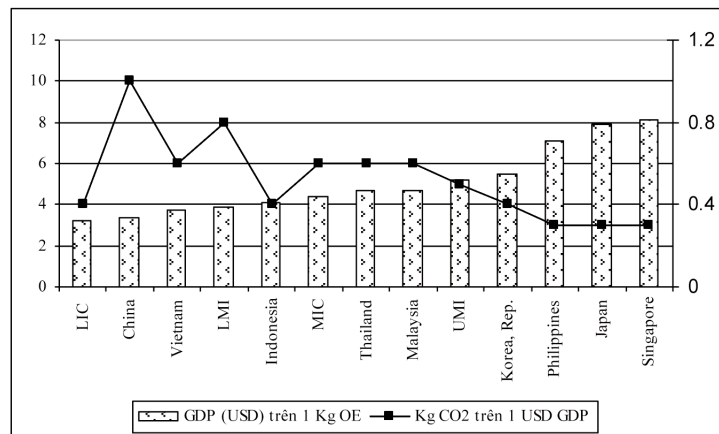
Mặc dù, những số liệu trên cho thấy một số dấu hiệu khả quan trong hiệu quả trong sử dụng tài nguyên, nhưng về cơ bản tiêu hao năng lượng, nhiên liệu nguyên liệu trong các ngành công nghiệp của

Việt Nam rất cao. Theo tính toán của Ngân hàng thế giới, tiêu hao năng lượng (kg dầu qui đổi – kg OE) trên 1 đơn vị GDP (USD – giá 1995) của Mỹ là 0,29; Nhật là 0,10; Hồng Kông là 0,58; Singapore là 0,26; Ôxtrâyli là 0,27; Trung Quốc là 1,43 và Việt Nam là 1,43. Một số ngành như ngành xi măng, tiêu hao năng lượng cao hơn 1,3 – 1,4 lần; ngành thép chi phí điện năng cao hơn 1,5 – 1,7 lần so với các nước tiên tiến. GDP tạo ra trên 1 kg OE của Việt Nam là 3,7 USD cũng thấp hơn hầu hết các nước trong khu vực (Hình 2) như In-đô-nê-xia là 4,1 USD; Thái Lan và Ma-lay-xia là 4,7 USD; Nhật Bản là 7,9 USD và Singapore là 8,1 USD. Có thể nhận thấy số lượng USD GDP tạo ra trên 1kg OE của Việt Nam chỉ cao hơn Trung Quốc và các nước có thu nhập thấp, thấp hơn các nước trong ASEAN - 4 và các nước có thu nhập trung bình.

Xét về mức độ gây ô nhiễm môi trường thì thực tế ở Việt Nam cho thấy, mức độ ô nhiễm môi trường tăng lên cùng quá trình tăng trưởng. Từ năm 2001-2010, lượng khí thải CO<sub>2</sub> ra môi trường tăng trung bình gần 15% hàng năm. So với mức trung bình của các nước thu nhập thấp, mức phát thải CO<sub>2</sub> trên 1 đồng GDP là 0,6 kg cao hơn hầu hết các nước trong khu vực.

Lượng khí thải CO<sub>2</sub> tăng nhanh có liên quan trực tiếp đến tăng trưởng qua sản xuất và tiêu dùng. Trong giai đoạn 2001 - 2010, tốc độ tăng sản lượng than trung bình 14,6% và sản lượng điện tăng 13,8% hàng năm. So với năm 1990, sản lượng than tiêu thụ năm 2007 tăng 4,6 lần, xăng tăng 5,7 lần và điện tăng 9,9 lần. Năm 2007, công nghiệp chiếm

**Hình 2: Hiệu quả sử dụng năng lượng của Việt Nam và các nước**



Nguồn: Ngân hàng thế giới (2010)

34%, giao thông vận tải chiếm gần trên 20% tổng khối lượng năng lượng tiêu thụ của cả nước và là tác nhân chính gây ô nhiễm không khí. Tiêu thụ năng lượng của ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng rất thấp (dưới 2% tổng lượng), chứng tỏ mức độ cơ giới hóa ngành này còn thấp và do đó ô nhiễm không khí chủ yếu do ngành công nghiệp, giao thông và các ngành dân dụng.

Nghiêm trọng nhất là tình trạng ô nhiễm nguồn nước, đặc biệt tại những trung tâm công nghiệp lớn, khu công nghiệp tại lưu vực các sông Đồng Nai, sông Cầu và sông Nhuệ. Tác nhân gây ô nhiễm chính là sản xuất công nghiệp, tốc độ đô thị hóa nhanh đi kèm với mật độ xây dựng cao.

Điểm chung nhất từ thực trạng ô nhiễm môi trường khí và nước là tất cả những ngành gây ô nhiễm cũng chính là ngành đóng góp nhiều vào tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động và tăng trưởng ở các trung tâm công nghiệp, nơi đóng vai trò đầu tàu tăng trưởng của cả nước.

Xin quay trở lại với câu hỏi liệu sự phát triển của Việt Nam có thực sự bền vững không? Theo định nghĩa của Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển đưa ra năm 1987 thì “*Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng các nhu cầu của hiện tại mà không ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng các nhu cầu của các thế hệ tương lai*”. Cụ thể hơn, đó là sự phát triển hài hòa cân đối giữa ba cực kinh tế, xã hội và môi trường. Định nghĩa khái quát trên đã được bổ sung những chi tiết cụ thể về các thước đo đánh giá có thể áp dụng trên thực tế.

Một cách tiếp cận khá phổ biến để đo lường tính bền vững môi trường là sử dụng Chỉ số Hiệu quả hoạt động Môi trường (Environmental Performance Index - EPI). Chỉ số này đo mức độ hiệu quả thực thi các mục tiêu chính sách môi trường của mỗi quốc gia. Chính sách môi trường của một quốc gia thường hướng tới hai mục tiêu chính gồm sức khỏe cộng đồng liên quan tới môi trường và khả năng tồn tại lâu dài của hệ sinh thái. Theo các mục tiêu cốt yếu này, EPI được xác định dựa theo điểm có trọng số chấm cho 10 mục tiêu chính sách dựa trên các chỉ số cơ bản như: gánh nặng bệnh tật do các vấn đề môi trường, tài nguyên nước với sức khỏe con người, chất lượng không khí đối với sức khỏe con người, tài nguyên nước cho các hệ sinh thái, đa dạng sinh học, lâm nghiệp, thủy sản, nông nghiệp, và biến đổi khí hậu.

Với 59 điểm, Việt Nam đứng thứ 85 trong số 163 nước được xếp hạng EPI năm 2010. Trong số các nước đứng đầu bảng xếp hạng có Ai-xơ-len, Thụy Sĩ, và Cô-xta Ri-ca với số điểm cao nhất là 94. Các nước có hiệu quả hoạt động môi trường kém nhất là Xi-e-ra Lê-on, Cộng hòa Trung Phi, và Mô-ri-ta-nia với điểm thấp nhất trong đợt xếp hạng là 32. Nếu xem xét trong bối cảnh khu vực, Việt Nam có điểm EPI thấp hơn so với Phi-líp-pin (66 điểm), Thái Lan (62 điểm), Lào (60 điểm), và cao hơn Trung Quốc (49 điểm), In-đô-nê-xia (45 điểm), Pa-pua- Niu Ghi-nê (44 điểm), Mông Cổ (43 điểm), và Cam-puchia (42 điểm). Tuy nhiên, so với thế giới, Việt Nam chỉ ở mức trung bình kém. Việt Nam đạt điểm cao trong những lĩnh vực như lâm nghiệp và nông nghiệp. Trong lĩnh vực lâm nghiệp, điểm số được

tính theo sự thay đổi trong độ che phủ rừng và trữ lượng rừng mặc dù diện tích và chất lượng rừng tự nhiên đang xuống cấp nghiêm trọng. Trong lĩnh vực nông nghiệp, điểm số được tính theo cường độ sử dụng nước cho sản xuất nông nghiệp, trợ cấp và các quy định về thuốc trừ sâu. Việt Nam đạt điểm EPI thấp trong các lĩnh vực thủy sản, biến đổi khí hậu (phát thải CO<sub>2</sub>/kwh, cường độ phát thải khí nhà kính công nghiệp), các ảnh hưởng của ô nhiễm không khí đối với hệ sinh thái, và bảo tồn biển. Từ kết quả so sánh này, có thể nói rằng Việt Nam mặc dù đã đạt được những bước tiến đáng ghi nhận về bảo vệ môi trường so với khu vực nhưng sự phát triển nhìn chung vẫn chưa bền vững.

### **3. Phí tổn môi trường của tăng trưởng kinh tế**

Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới (2010), Việt Nam đang gặp phải nhiều vấn đề môi trường vốn là cái giá của sự phát triển kinh tế. Rất nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên đang có xu hướng suy giảm nhanh chóng trong khi nhiều thành phần môi trường bị ô nhiễm và suy thoái ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển bền vững của đất nước. Theo ước tính của Ngân hàng thế giới, Việt Nam có thể phải chịu tổn thất do ô nhiễm môi trường lên tới 5,5% GDP hàng năm. Như vậy, nền kinh tế mất khoảng 3,9 tỉ USD trong 71 tỉ USD của GDP trong năm 2007, và khoảng 4,2 tỉ USD trong 76 tỉ USD của GDP trong năm 2008. Xin đơn cử một vài ví dụ về ô nhiễm nước và không khí tại Việt Nam.

#### **3.1. Cái giá phải trả của ô nhiễm không khí**

Ô nhiễm không khí có những ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe, đặc biệt đối với đường hô hấp. Kết quả nghiên cứu ở Việt Nam cho thấy, khi môi trường không khí bị ô nhiễm, sức khỏe con người bị suy giảm, quá trình lão hóa trong cơ thể diễn ra nhanh; các chức năng của cơ quan hô hấp suy giảm, gây ra các bệnh hen suyễn, viêm phế quản, tim mạch,... và làm giảm tuổi thọ của con người. Mức độ ảnh hưởng của từng người tùy thuộc vào tình trạng sức khỏe, nồng độ, loại chất và thời gian tiếp xúc với môi trường ô nhiễm. Bộ Y tế cũng cho biết trong những năm gần đây, trên toàn quốc, các bệnh về đường hô hấp là bệnh phổ biến và có tỷ lệ mắc cao nhất. Thực tế cho thấy, nhiều bệnh đường hô hấp có nguyên nhân trực tiếp bởi môi trường không khí bị ô nhiễm do bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, chì,... Các tác nhân này gây ra các bệnh viêm nhiễm đường hô

hấp, hen, lao, dị ứng, viêm phế quản mạn tính và ung thư.

Thiệt hại kinh tế do ảnh hưởng đến sức khỏe, bao gồm các khoản chi phí: khám, chữa bệnh, thiệt hại cho sản xuất và nền kinh tế do gián đoạn lao động. Dự án “*Điều tra, thống kê, đánh giá ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường tới sức khỏe cộng đồng*” do Cục Bảo vệ môi trường, Bộ Tài nguyên & Môi trường (2007) tiến hành tại hai tỉnh Phú Thọ và Nam Định cho kết quả ước tính thiệt hại kinh tế do ô nhiễm không khí tác động đến sức khỏe trên đầu người mỗi năm trung bình là 295.000 đồng. Nếu giả định, tổn thất về kinh tế do ô nhiễm không khí tác động đến sức khỏe đối với người dân Hà Nội và TP Hồ Chí Minh tương tự như người dân ở Phú Thọ và Nam Định thì Hà Nội với 6,5 triệu dân, mỗi ngày thiệt hại 5,3 tỷ đồng và TP Hồ Chí Minh với 7 triệu dân, mỗi ngày thiệt hại 5,7 tỷ đồng. Thực tế, môi trường không khí ở các đô thị lớn như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng bị ô nhiễm cao hơn so với các tỉnh Phú Thọ và Nam Định, nên thiệt hại về kinh tế do ô nhiễm không khí thực tế còn cao hơn con số nêu trên.

#### **3.2. Thiệt hại kinh tế do ô nhiễm nước**

Nước thải sản xuất không qua xử lý, xả thải trực tiếp vào môi trường gây ra những thiệt hại đáng kể tới sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản tại các khu vực lân cận. Mặt khác, ô nhiễm môi trường nước đã làm gia tăng gánh nặng bệnh tật, gia tăng tỷ lệ người mắc bệnh đang lao động. Đáng báo động là tỷ lệ này có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây và gây ra những tổn thất kinh tế không nhỏ.

Nguồn nước sông ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đang bị ô nhiễm. Các nguồn gây ô nhiễm đến từ hoạt động sản xuất nông nghiệp do sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật quá nhiều, do các chất thải sinh hoạt, và từ các hoạt động sản xuất công nghiệp. Nghiên cứu của tác giả Võ Thành Danh (2011) cho biết tổn thất kinh tế do ô nhiễm nước trung bình một hộ gia đình tại vùng ĐBSCL là 29.345 đồng/hộ/tháng và khoảng 1.454 tỷ đồng/năm.

Các công trình nghiên cứu của Bộ Tài Nguyên & Môi Trường tại vùng ô nhiễm nước sông Thị Vải từ việc thống kê thiệt tại kinh tế từ 1.181 đơn đòi bồi thường của người dân đã ước tính thiệt hại do ô nhiễm nước của công ty VEDAN lên đến 567 tỷ



đồng/năm.

Theo Bộ Tài Nguyên & Môi Trường, hiện nay tình trạng ô nhiễm nguồn nước là nguyên nhân của nhiều căn bệnh khó chữa và những bệnh thông thường như tiêu chảy và bệnh lỵ, đặc biệt là trong những vùng đông dân cư và nghèo khó. Trong vòng 4 năm vừa qua có 6 triệu người Việt Nam gặp phải những bệnh dịch do nước bẩn gây nên và số tiền chữa trị lên đến 400 tỷ đồng Việt Nam, tương đương với 21 triệu đôla Mỹ.

Nói tóm lại, công cuộc đổi mới trong mười năm qua đã và đang đặt ra cho chúng ta nhiều thách thức to lớn về môi trường. Việt Nam sẽ bước vào một giai đoạn phát triển khó khăn cần nhiều các yếu tố môi trường. Nếu các thiệt hại về môi trường không được tính toán đầy đủ trong các chính sách thì ảnh hưởng có thể sẽ rất thảm khốc và tăng trưởng sẽ không bền vững.

#### 4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho phép rút ra một số kết luận về phát triển bền vững tại Việt Nam.

Thứ nhất, trong vòng 10 năm qua Việt Nam đã đạt được nhiều nhiều thành tựu đáng kể trong lĩnh vực phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường so với các nước trong khu vực, nhưng sự phát triển nhìn chung vẫn chưa bền vững. Mặc dù mới ở giai đoạn đầu của quá trình phát triển Việt Nam đã và đang phải đối đầu với với các vấn đề môi trường nghiêm trọng như suy giảm tài nguyên rừng, suy giảm tài

nguyên nước, mất đa dạng sinh học, ô nhiễm nước, ô nhiễm không khí từ các nhà máy, các hộ gia đình, lạm dụng thuốc trừ sâu và phân hoá học, v.v... Tình trạng suy thoái môi trường diễn ra trên diện rộng, liên quan tới nhiều thành phần môi trường khác nhau.

Thứ hai, thiệt hại môi trường do các hoạt động kinh tế gây ra tại Việt Nam là đáng kể, chiếm khoảng 5.5% GDP hàng năm. Trong những năm tiếp theo, Việt Nam vẫn ở trong giai đoạn công nghiệp hóa. Do vậy thiệt hại môi trường có xu hướng gia tăng nếu không kịp thời áp dụng các biện pháp phòng ngừa.

Thứ ba, trong những năm tới Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng cao. Với mô hình phát triển như Việt Nam hiện nay, tốc độ tăng trưởng GDP càng cao, thì mức độ gia tăng chất thải sẽ càng lớn, tổn thất phúc lợi xã hội sẽ càng nhiều. Tác động về môi trường không chỉ phụ thuộc vào qui mô các hoạt động kinh tế mà còn phụ thuộc vào đặc điểm cơ cấu kinh tế, trình độ công nghệ và các giải pháp quản lý. Do vậy, lựa chọn mục tiêu tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, áp dụng các giải pháp về bảo vệ môi trường trong những giai đoạn tiếp theo nhằm đạt được sự phát triển bền vững là một vấn đề then chốt đang đặt ra cho Việt Nam. □

1. Theo cách phân loại của WB năm 2010 nếu GNI bình quân đầu người của một quốc gia từ 975 USD trở lên thì được xếp vào nhóm nước có thu nhập trung bình (MIC).

#### Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Tài nguyên & Môi trường (2007), Điều tra, thống kê, đánh giá ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường tới sức khoẻ cộng đồng, Báo cáo nội bộ, Hà Nội.
2. Bộ Tài nguyên & Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường Việt Nam các năm 2008, 2009, 2010.
3. Nguyễn Văn Thường (2005), Những rào cản đối với phát triển kinh tế Việt Nam, Nhà xuất bản lý luận chính trị, Hà Nội.
4. Nguyễn Ngọc Sơn, Phạm Hồng Chương (2011), Chất lượng tăng trưởng kinh tế Việt Nam: Mười năm nhìn lại và định hướng tương lai, Nhà xuất bản Giao thông vận tải, Hà Nội.
5. Ngân hàng thế giới (2010), Báo cáo phát triển Việt Nam 2010, Hà Nội.
6. Trần Văn Khương, Nguyễn Hồng Quang (2008), Pháp luật bảo vệ môi trường. Đặc san tuyên truyền pháp luật.
7. Võ Thành Danh (2011), Thiệt hại kinh tế do ô nhiễm nước tại Đồng bằng sông Cửu Long, Tạp chí Khoa học, số 15b, Đại học Cần Thơ.